

BỘ LAO ĐỘNG -
THƯƠNG BINH VÀ XÃ
HỘI-BỘ TÀI CHÍNH-BỘ Y
TẾ-BỘ GIÁO DỤC VÀ
ĐÀO TẠO

Số: 37/2012/TTLT-
BLĐTBXH-BYT-BTC-
BGDDT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2012

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Quy định về việc xác định mức độ khuyết tật do

Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện

Căn cứ Luật người khuyết tật ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật người khuyết tật (sau đây viết tắt là Nghị định số 28/2012/NĐ-CP);

Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư liên tịch quy định xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện.

Chương 1.

Quy định chung

Điều 1. Đối tượng và phạm vi áp dụng

1. Phạm vi áp dụng:

Thông tư liên tịch này quy định hoạt động của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật (sau đây gọi chung là Hội đồng); phương pháp xác định, xác định lại mức độ khuyết tật; hồ sơ, thủ tục và trình tự xác định mức độ khuyết tật; cấp, đổi, cấp lại, thu hồi Giấy xác nhận khuyết tật; kinh phí thực hiện xác định mức độ khuyết tật.

2. Đối tượng áp dụng của Thông tư liên tịch này gồm:

- a) Cơ quan quản lý người khuyết tật;
- b) Hội đồng xác định mức độ khuyết tật;
- c) Thành viên hội đồng xác định mức độ khuyết tật;

d) Người khuyết tật;

đ) Người đại diện hợp pháp của người khuyết tật.

Chương 2.

Hoạt động của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật, phương pháp xác định mức độ khuyết tật

Điều 2. Hoạt động của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật

1. Hội đồng xác định mức độ khuyết tật do Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) thành lập gồm các thành viên theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Luật người khuyết tật.

2. Hội đồng xác định mức độ khuyết tật hoạt động theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 16 Luật người khuyết tật.

3. Hội đồng có nhiệm vụ xác định dạng tật và mức độ khuyết tật; xác định lại mức độ khuyết tật đối với người khuyết tật khi có sự kiện làm thay đổi mức độ khuyết tật.

4. Trách nhiệm của các thành viên Hội đồng:

a) Chủ tịch Hội đồng có trách nhiệm tổ chức và chủ trì các hoạt động của Hội đồng;

b) Công chức cấp xã phụ trách công tác lao động, thương binh và xã hội có trách nhiệm:

- Tiếp nhận đơn và hồ sơ;

- Hướng dẫn người khuyết tật hoàn thiện hồ sơ;

- Ghi biên bản các phiên họp của Hội đồng;

- Tham mưu cho Chủ tịch Hội đồng xây dựng, hoàn chỉnh và lưu giữ các văn bản của Hội đồng;

- Thực hiện nhiệm vụ khác theo phân công của Chủ tịch Hội đồng.

c) Trạm trưởng trạm y tế cấp xã có trách nhiệm:

- Cung cấp thông tin về chuyên môn y tế liên quan đến người khuyết tật cho Hội đồng;

- Thực hiện nhiệm vụ khác theo phân công của Chủ tịch Hội đồng.

d) Thành viên của Hội đồng có trách nhiệm tham gia đánh giá mức độ khuyết tật, tham dự đầy đủ các phiên họp kết luận của Hội đồng, tham gia đóng góp ý kiến và

thực hiện các nhiệm vụ do Chủ tịch Hội đồng phân công.

5. Khi thành lập, thay đổi thành viên Hội đồng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm ra Quyết định thành lập, thay thế hoặc bổ sung thành viên của Hội đồng.

6. Hội đồng có cùng nhiệm kỳ với Ủy ban nhân dân cấp xã.

7. Hội đồng được sử dụng con dấu của Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 3. Phương pháp xác định dạng khuyết tật và mức độ khuyết tật

1. Xác định dạng khuyết tật:

a) Xác định dạng khuyết tật cho trẻ dưới 6 tuổi:

Thành viên Hội đồng quan sát trực tiếp các dấu hiệu cụ thể của trẻ khuyết tật, phỏng vấn người đại diện hợp pháp của trẻ và sử dụng “Phiếu xác định dạng khuyết tật cho trẻ dưới 6 tuổi” theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này để xác định dạng khuyết tật của trẻ khuyết tật.

Thành viên Hội đồng chỉ đánh giá 03 dạng khuyết tật sau: Khuyết tật vận động, khuyết tật nhìn và khuyết tật thần kinh, tâm thần.

b) Xác định dạng khuyết tật cho người khuyết tật từ đủ 6 tuổi trở lên:

Thành viên Hội đồng quan sát trực tiếp các dấu hiệu cụ thể của người khuyết tật, phỏng vấn người khuyết tật hoặc người đại diện hợp pháp của người khuyết tật và sử dụng “Phiếu xác định dạng khuyết tật cho người từ 6 tuổi trở lên” theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này để xác định dạng khuyết tật của người khuyết tật.

2. Xác định mức độ khuyết tật:

a) Xác định mức độ khuyết tật cho trẻ khuyết tật dưới 6 tuổi:

Thành viên Hội đồng quan sát trực tiếp các dấu hiệu cụ thể của trẻ khuyết tật, phỏng vấn người đại diện hợp pháp của trẻ và sử dụng “Phiếu đánh giá mức độ khuyết tật dành cho trẻ dưới 6 tuổi” theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này để đánh giá mức độ khuyết tật của trẻ khuyết tật.

b) Xác định mức độ khuyết tật cho người khuyết tật từ đủ 6 tuổi trở lên:

Thành viên Hội đồng quan sát trực tiếp các dấu hiệu cụ thể cũng như các hoạt động của người khuyết tật, phỏng vấn người đại diện hợp pháp của người khuyết tật và

sử dụng “Phiếu đánh giá mức độ khuyết tật dành cho người đủ 6 tuổi trở lên” theo Mẫu số 05 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này để đánh giá mức độ khuyết tật của người khuyết tật.

Chương 3.

Hồ sơ, thủ tục và trình tự xác định mức độ khuyết tật và cấp giấy xác nhận khuyết tật

Điều 4. Hồ sơ đề nghị xác định, xác định lại mức độ khuyết tật

1. Hồ sơ đề nghị xác định mức độ khuyết tật gồm:

- a) Đơn đề nghị theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này.
- b) Bản sao các giấy tờ y tế chứng minh về khuyết tật: bệnh án, giấy tờ khám, điều trị, phẫu thuật hoặc các giấy tờ liên quan khác (nếu có)
- c) Bản sao kết luận của Hội đồng Giám định y khoa về khả năng tự phục vụ, mức độ suy giảm khả năng lao động đối với trường hợp người khuyết tật đã có kết luận của Hội đồng Giám định y khoa trước ngày Nghị định số 28/2012/NĐ-CP có hiệu lực.

2. Hồ sơ đề nghị xác định lại mức độ khuyết tật gồm:

- a) Đơn đề nghị theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này.
- b) Bản sao Giấy xác nhận mức độ khuyết tật.

Điều 5. Thủ tục và trình tự thực hiện xác định và xác định lại mức độ khuyết tật

1. Khi có nhu cầu xác định mức độ khuyết tật, xác định lại mức độ khuyết tật, người khuyết tật hoặc người đại diện hợp pháp của người khuyết tật nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 4 Thông tư liên tịch này đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người khuyết tật cư trú (khi nộp hồ sơ xuất trình sổ hộ khẩu hoặc chứng minh nhân dân để cán bộ tiếp nhận hồ sơ đối chiếu các thông tin kê khai trong đơn).

2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đơn đề nghị xác định mức độ khuyết tật, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

- a) Triệu tập các thành viên, gửi thông báo về thời gian và địa điểm xác định mức độ khuyết tật cho người khuyết tật hoặc người đại diện hợp pháp của họ;
- b) Tổ chức đánh giá dạng khuyết tật và mức độ khuyết tật đối với người khuyết tật theo phương pháp và nội dung quy định tại Điều 3 Thông tư liên tịch này; lập hồ sơ,